

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CUỐI NĂM 2023

- Thời điểm kiểm kê: 8 giờ 00 phút ngày 29 tháng 12 năm 2023.
- Hội đồng kiểm kê gồm:

Ông/Bà: Huỳnh Mộng Ngọc	Chức vụ: Hiệu trưởng	Đại diện: Trường Mầm Non Mạ Non	Trưởng ban
Ông/Bà: Nguyễn Thị Kim Oanh	Chức vụ: P. Hiệu trưởng	Đại diện: Trường Mầm Non Mạ Non	Ủy viên
Ông/Bà: Nguyễn Thị Thúy Hằng	Chức vụ: P. Hiệu trưởng	Đại diện: Trường Mầm Non Mạ Non	Ủy viên
Ông/Bà: Trần Ngọc Quỳnh	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Chủ tịch Công Đoàn	Ủy viên
Ông/Bà: Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Trường BTTND	Ủy viên
Ông/Bà: Phạm Thị Cẩm Nhung	Chức vụ: Kế toán	Đại diện: Kế toán - Bộ phận CSVC	Ủy viên
Ông/Bà: Nguyễn Hoàng Tuấn	Chức vụ: Bảo vệ	Đại diện: Bảo vệ	Ủy viên

STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đất						19.252.800.000	1	19.252.800.000	19.252.800.000	1	19.252.800.000	19.252.800.000			
1	01/01/2017	Đất		2017	T03786053-10201-333	19.252.800.000	1	19.252.800.000	19.252.800.000	1	19.252.800.000	19.252.800.000			
Cộng nhóm						19.252.800.000	1	19.252.800.000	19.252.800.000	1	19.252.800.000	19.252.800.000			0
Nhà, công trình xây dựng						46.681.312.475	1	46.681.312.475	33.610.544.982	1	46.681.312.475	33.610.544.982			
1	01/01/2017	Trường Mầm Non Mạ Non		2017	T03786053-204-337	46.681.312.475	1	46.681.312.475	33.610.544.982	1	46.681.312.475	33.610.544.982			
Cộng nhóm						46.681.312.475	1	46.681.312.475	33.610.544.982	1	46.681.312.475	33.610.544.982			0
Máy móc thiết bị						2.770.618.603	89	2.770.618.603	270.253.156	89	2.770.618.603	270.253.156			0
Máy móc thiết bị văn phòng phổ biến						1.225.482.510	57	1.225.482.510	34.612.500	57	1.225.482.510	34.612.500			0
Máy vi tính để bàn															
1	31/12/2014	Bộ máy vi tính P8H61		2013	T03786053-501-6	10.800.000	1	10.800.000	0	1	10.800.000	0			
2	31/12/2014	Bộ máy vi tính Core i3 - 2120 P8H61		2013	T03786053-501-8	10.800.000	1	10.800.000	0	1	10.800.000	0			
3	31/12/2014	Bộ máy vi tính intel core i3 - 2120		2013	T03786053-501-7	10.800.000	1	10.800.000	0	1	10.800.000	0			
4	31/12/2014	Bộ máy vi tính (kế toán)		2013	T03786053-501-11	13.700.000	1	13.700.000	0	1	13.700.000	0			
5	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-262	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			

STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	01/01/2017	Máy vi tính		2017	T03786053-501-238	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
7	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-268	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
8	01/01/2017	Máy vi tính		2017	T03786053-501-241	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
9	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-265	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
10	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-269	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
11	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-258	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
12	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-267	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
13	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-261	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
14	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-271	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
15	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-270	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
16	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-272	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
17	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-263	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
18	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-266	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
19	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-252	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
20	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-254	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
21	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-240	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
22	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-274	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
23	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-257	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
24	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-527-233	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
25	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-256	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
26	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-260	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
27	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-255	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
28	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-251	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
29	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-278	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
30	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-264	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
31	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-259	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			

STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-236	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
33	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-273	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
34	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-242	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
35	01/01/2017	Máy vi tính	Việt Nam	2017	T03786053-501-253	15.494.000	1	15.494.000	0	1	15.494.000	0			
Cộng nhóm						526.414.000	35	526.414.000	0	35	526.414.000	0	0	0	0
Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)															
2	31/12/2014	Máy vi tính xách tay Sonny VaiO		2011	T03786053-502-4	32.472.000	1	32.472.000	0	1	32.472.000	0			
3	31/12/2014	Bộ bảng tương tác thông minh	Xinhgapo	2013	T03786053-502-5	180.844.510	1	180.844.510	0	1	180.844.510	0			
Cộng nhóm						213.316.510	2	213.316.510	0	2	213.316.510	0	0	0	0
Máy in															
19	01/01/2017	Máy in		2017	T03786053-503-247	28.733.000	1	28.733.000	0	1	28.733.000	0			
20	01/01/2017	Máy in		2017	T03786053-503-245	28.733.000	1	28.733.000	0	1	28.733.000	0			
21	01/01/2017	Máy in		2017	T03786053-503-246	28.733.000	1	28.733.000	0	1	28.733.000	0			
Cộng nhóm						86.199.000	3	86.199.000	0	3	86.199.000	0	0	0	0
Máy Photocopy															
1	01/01/2017	Máy photocopy	Trung Quốc	2017	T03786053-507-244	64.311.000	1	64.311.000	0	1	64.311.000	0			
2	31/12/2014	Máy photocopy		2009	T03786053-507-14	35.000.000	1	35.000.000	0	1	35.000.000	0			
Cộng nhóm						99.311.000	2	99.311.000	0	2	99.311.000	0	0	0	0
Máy điều hòa không khí															
1	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-327	11.770.000	1	11.770.000	1.471.250	1	11.770.000	1.471.250			
2	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-329	11.770.000	1	11.770.000	1.471.250	1	11.770.000	1.471.250			
3	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-324	16.050.000	1	16.050.000	2.006.250	1	16.050.000	2.006.250			

STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-322	24.075.000	1	24.075.000	3.009.375	1	24.075.000	3.009.375			
5	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-321	24.075.000	1	24.075.000	3.009.375	1	24.075.000	3.009.375			
6	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-320	24.075.000	1	24.075.000	3.009.375	1	24.075.000	3.009.375			
7	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-318	32.100.000	1	32.100.000	4.012.500	1	32.100.000	4.012.500			
8	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-323	16.050.000	1	16.050.000	2.006.250	1	16.050.000	2.006.250			
9	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-319	32.100.000	1	32.100.000	4.012.500	1	32.100.000	4.012.500			
10	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-328	11.770.000	1	11.770.000	1.471.250	1	11.770.000	1.471.250			
11	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-326	11.770.000	1	11.770.000	1.471.250	1	11.770.000	1.471.250			
12	01/01/2017	Máy lạnh treo tường	Ma-lai-xi-a	2017	T03786053-518-325	16.050.000	1	16.050.000	2.006.250	1	16.050.000	2.006.250			
13	22/01/2016	Máy lạnh	Thái Lan	2016	T03786053-518-21	23.342.000	1	23.342.000	0	1	23.342.000	0			
Cộng nhóm															
BỘ BAN GHẾ TIẾP KHÁCH															
1	01/01/2017	Salon gỗ tiếp khách	Việt Nam	2017	T03786053-522-237	34.986.000	1	34.986.000	4.373.250	1	34.986.000	4.373.250			
Cộng nhóm															
Bàn ghế hợp															
1	01/01/2017	Bàn ghế hợp	Việt Nam	2017	T03786053-523-248	10.259.000	1	10.259.000	1.282.375	1	10.259.000	1.282.375			
Cộng nhóm															
MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ															
MÁY MÓC, THIẾT BỊ KHÁC PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ															
MÁY CHIẾU															
1	31/12/2014	Máy chiếu XR-50S		2011	T03786053-504-3	23.452.000	1	23.452.000	0	1	23.452.000	0			
2	01/01/2017	Máy chiếu đa năng	Trung Quốc	2017	T03786053-504-277	29.577.000	1	29.577.000	0	1	29.577.000	0			

STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Cộng nhóm						53.029.000	2	53.029.000	0	2	53.029.000	0			0
Thiết bị lọc nước															
1	30/12/2022	Hệ thống nước sạch		2022	T03786053-6020202-351	46.945.093	1	46.945.093	28.167.056	1	46.945.093	28.167.056			
Cộng nhóm						46.945.093	1	46.945.093	28.167.056	1	46.945.093	28.167.056			0
Tivi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác															
1	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-249	62.975.000	1	62.975.000	0	1	62.975.000	0			
2	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-281	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
3	01/01/2017	Dàn máy HiFi	Trung Quốc	2017	T03786053-510-250	19.992.000	1	19.992.000	0	1	19.992.000	0			
4	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-279	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
5	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-286	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
6	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-284	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
7	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-288	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
8	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-285	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
9	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-287	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
10	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-282	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
11	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-280	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
12	01/01/2017	Tivi LED	Trung Quốc	2017	T03786053-510-283	37.600.000	1	37.600.000	0	1	37.600.000	0			
13	29/12/2023	Thiết bị phòng thư viện thông minh	Trung Quốc	2023	T03786053-6020204-357	52.000.000	1	179.222.466	143.377.973	1	179.222.466	143.377.973			
Cộng nhóm						510.967.000	13	638.189.466	143.377.973	13	638.189.466	143.377.973	0	0	0
Thiết bị truyền dẫn															
1	01/01/2017	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Việt Nam	2017	T03786053-601-292	75.750.000	1	75.750.000	0	1	75.750.000	0			
2	10/05/2017	Máy nước nóng năng lượng	Việt Nam	2017	T03786053-603-24	23.000.000	1	23.000.000	0	1	23.000.000	0			
3	01/01/2017	Đường ống INOX dẫn nước đến lò nấu	Việt Nam	2017	T03786053-603-307	15.617.000	1	15.617.000	0	1	15.617.000	0			

STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	09/12/2021	Hệ thống camera	Việt Nam	2021	T03786053-6020215-348	37.500.000	1	37.500.000	22.500.000	1	37.500.000	22.500.000			
5	13/12/2021	Hệ thống camera	Việt Nam	2021	T03786053-6020215-349	33.750.000	1	33.750.000	20.250.000	1	33.750.000	20.250.000			
Cộng nhóm						185.617.000	5	185.617.000	42.750.000	5	185.617.000	42.750.000	0	0	0
Máy móc, thiết bị chuyên dùng						800.578.000	12	800.578.000	164.723.600	12	800.578.000	164.723.600	0	0	0
Máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị															
1	01/01/2017	Tủ sấy tồ , chén, muỗng tiệt trùng bằng Ozon	Việt Nam	2017	T03786053-818-306	60.600.000	1	60.600.000	12.120.000	1	60.600.000	12.120.000			
2	01/01/2017	Tủ sấy tồ , chén, muỗng tiệt trùng bằng Ozon	Việt Nam	2017	T03786053-818-305	60.600.000	1	60.600.000	12.120.000	1	60.600.000	12.120.000			
3	01/01/2017	Bếp gas công nghiệp 2 lò	Việt Nam	2017	T03786053-818-293	13.635.000	1	13.635.000	2.727.000	1	13.635.000	2.727.000			
4	16/02/2017	Máy lát thịt		2017	T03786053-818-26	21.000.000	1	21.000.000	4.200.000	1	21.000.000	4.200.000			
5	01/01/2017	Hệ thống thang nâng	Việt Nam	2017	T03786053-818-310	448.364.000	1	448.364.000	89.672.800	1	448.364.000	89.672.800			
6	16/02/2017	Máy cắt rau củ đa năng		2017	T03786053-818-25	26.800.000	1	26.800.000	5.360.000	1	26.800.000	5.360.000			
7	01/01/2017	Tủ hấp khăn công nghiệp	Việt Nam	2017	T03786053-818-308	50.750.000	1	50.750.000	10.150.000	1	50.750.000	10.150.000			
8	01/01/2017	Tủ hấp cơm công nghiệp	Việt Nam	2017	T03786053-818-296	30.300.000	1	30.300.000	6.060.000	1	30.300.000	6.060.000			
9	01/01/2017	Tủ hấp cơm công nghiệp	Việt Nam	2017	T03786053-818-295	30.300.000	1	30.300.000	6.060.000	1	30.300.000	6.060.000			
10	01/01/2017	Bếp gas công nghiệp 3 lò	Việt Nam	2017	T03786053-818-294	17.675.000	1	17.675.000	3.535.000	1	17.675.000	3.535.000			
11	01/01/2017	Máy xay thịt	Việt Nam	2017	T03786053-818-291	27.754.000	1	27.754.000	5.550.800	1	27.754.000	5.550.800			
12	17/06/2020	Máy xay, lát thịt		2020	T03786053-604-339	12.800.000	1	12.800.000	7.168.000	1	12.800.000	7.168.000			
Cộng nhóm						800.578.000	12	800.578.000	164.723.600	12	800.578.000	164.723.600	0	0	0
Tài sản cố định hữu hình khác						1.061.593.000	25	1.061.593.000	187.251.375	25	1.061.593.000	187.251.375	0	0	0
1	31/12/2014	Chân bồn chứa INOX 5000I		2009	T03786053-11-1	13.082.000	1	13.082.000	0	1	13.082.000	0			
2	31/12/2014	Bồn chứa nước INOX 5000I	Việt Nam	2009	T03786053-11-2	13.500.000	1	13.500.000	0	1	13.500.000	0			
3	01/01/2017	Bàn xếp khăn 3 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-309	11.165.000	1	11.165.000	1.395.625	1	11.165.000	1.395.625			

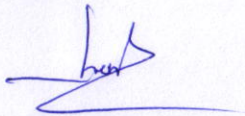
STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	01/01/2017	Dàn cấp gas	Việt Nam	2017	T03786053-11-289	50.500.000	1	50.500.000	6.312.500	1	50.500.000	6.312.500			
5	01/01/2017	Tủ bàn phân phối 2 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-304	17.170.000	1	17.170.000	2.146.250	1	17.170.000	2.146.250			
6	01/01/2017	Đu quay tròn đường ray	Việt Nam	2017	T03786053-11-314	10.556.000	1	10.556.000	1.319.500	1	10.556.000	1.319.500			
7	01/01/2017	Phông màn cửa đi và cửa sổ	Việt Nam	2017	T03786053-11-275	447.288.000	1	447.288.000	55.911.000	1	447.288.000	55.911.000			
8	01/01/2017	Bộ đồ chơi liên hoàn vận động đa năng	Việt Nam	2017	T03786053-11-313	43.848.000	1	43.848.000	5.481.000	1	43.848.000	5.481.000			
9	01/01/2017	Bồn rửa INOX	Việt Nam	2017	T03786053-11-290	15.150.000	1	15.150.000	1.893.750	1	15.150.000	1.893.750			
10	01/01/2017	Kệ 4 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-297	12.120.000	1	12.120.000	1.515.000	1	12.120.000	1.515.000			
11	01/01/2017	Kệ 4 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-298	12.120.000	1	12.120.000	1.515.000	1	12.120.000	1.515.000			
12	01/01/2017	Tủ bàn phân phối 2 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-302	17.170.000	1	17.170.000	2.146.250	1	17.170.000	2.146.250			
13	01/01/2017	Bộ vận động nhà trẻ	Việt Nam	2017	T03786053-11-312	15.225.000	1	15.225.000	1.903.125	1	15.225.000	1.903.125			
14	01/01/2017	Tủ bàn phân phối 2 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-303	17.170.000	1	17.170.000	2.146.250	1	17.170.000	2.146.250			
15	01/01/2017	Khu chơi cát nước	Việt Nam	2017	T03786053-11-316	33.476.000	1	33.476.000	4.184.500	1	33.476.000	4.184.500			
16	01/01/2017	Bộ vận động liên hoàn đa năng	Việt Nam	2017	T03786053-11-311	45.675.000	1	45.675.000	5.709.375	1	45.675.000	5.709.375			
17	01/01/2017	Kệ phơi dụng cụ nhà bếp	Việt Nam	2017	T03786053-11-300	10.100.000	1	10.100.000	1.262.500	1	10.100.000	1.262.500			
18	01/01/2017	Bộ thăng bằng vận động	Việt Nam	2017	T03786053-11-315	10.338.000	1	10.338.000	1.292.250	1	10.338.000	1.292.250			
19	01/01/2017	Tủ bàn phân phối 2 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-301	17.170.000	1	17.170.000	2.146.250	1	17.170.000	2.146.250			
20	01/01/2017	Kệ 4 tầng	Việt Nam	2017	T03786053-11-299	12.120.000	1	12.120.000	1.515.000	1	12.120.000	1.515.000			
21	01/01/2017	Vườn cỏ tích	Việt Nam	2017	T03786053-11-317	43.650.000	1	43.650.000	5.456.250	1	43.650.000	5.456.250			
22	14/03/2018	Máy giặt samsung (21kg)		2018	T03786053-8-330	58.000.000	1	58.000.000	14.500.000	1	58.000.000	14.500.000			
23	18/06/2020	Tủ đựng đồ chơi	Việt Nam	2020	T03786053-8-338	18.000.000	1	18.000.000	9.000.000	1	18.000.000	9.000.000			
24	09/11/2020	Bộ cầu trượt liên hoàn	Việt Nam	2020	T03786053-8-341	45.000.000	1	45.000.000	22.500.000	1	45.000.000	22.500.000			
25	16/11/2020	Bộ cầu trượt liên hoàn 2 khối	Việt Nam	2020	T03786053-8-342	72.000.000	1	72.000.000	36.000.000	1	72.000.000	36.000.000			
Cộng nhóm						1.061.593.000	25	1.061.593.000	187.251.375	25	1.061.593.000	187.251.375			
TỔNG CỘNG						69.945.546.544	117	69.945.546.544	53.464.227.486	117	69.945.546.544	53.464.227.485			

STT	Ngày, tháng, năm	Thông tin tài sản cố định					Theo sổ sách			Theo kiểm kê			Chênh lệch (giảm ghi âm-)		
		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Mã tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Nhà Bè, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập biểu

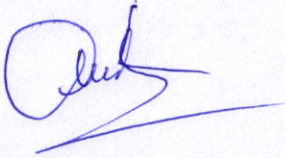
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Cẩm Nhung

Bảo vệ

(Ký, họ tên)



Nguyễn Minh Cường

Đại diện: Chủ tịch Công Đoàn

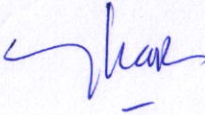
(Ký, họ tên)



Trần Ngọc Quỳnh

P. Hiệu Trưởng

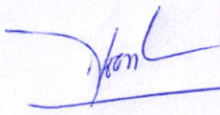
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thúy Hằng

P. Hiệu Trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Kim Oanh

Thủ trưởng đơn vị

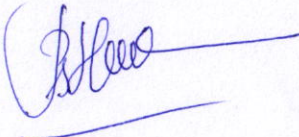
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Mộng Ngọc

Trưởng BTTND

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BIÊN BẢN KIỂM KÊ CÔNG CỤ DỤNG CỤ CUỐI NĂM 2023

- Thời điểm kiểm kê: 8 giờ 00 phút ngày 29 tháng 12 năm 2023.
- Hội đồng kiểm kê gồm:

Ông/Bà:	Huỳnh Mộng Ngọc	Chức vụ:	Hiệu trưởng Đại diện: Trường Mầm Non Mạ Non	Trưởng ban
Ông/Bà:	Nguyễn Thị Kim Oanh	Chức vụ:	P. Hiệu trưởng Đại diện: Trường Mầm Non Mạ Non	Ủy viên
Ông/Bà:	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Chức vụ:	P. Hiệu trưởng Đại diện: Trường Mầm Non Mạ Non	Ủy viên
Ông/Bà:	Trần Ngọc Quỳnh	Chức vụ:	Giáo viên Đại diện: Chủ tịch Công Đoàn	Ủy viên
Ông/Bà:	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Chức vụ:	Giáo viên Đại diện: Tru Đại diện: Trưởng BTND	Ủy viên
Ông/Bà:	Phạm Thị Cẩm Nhung	Chức vụ:	Kế toán Đại diện: Kế toán - Bộ phận CSVC	Ủy viên
Ông/Bà:	Nguyễn Hoàng Tuấn	Chức vụ:	Bảo vệ Đại diện: Bảo vệ	Ủy viên

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
Công cụ dụng cụ khác											
01/01/2018		01/01/2018	Bàn vòng cung	Cái	2	613.000	1.226.000	2	613.000	1.226.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	4	2.011.000	8.044.000	4	2.011.000	8.044.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bênh mô tô	Cái	1	4.012.000	4.012.000	1	4.012.000	4.012.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ xây dựng	Cái	6	577.000	3.462.000	6	577.000	3.462.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn 2 lớp mầm	Cái	26	568.000	14.768.000	26	568.000	14.768.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ dụng cụ tiết trùng bình sữa	Cái	1	2.091.000	2.091.000	1	2.091.000	2.091.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn thao tác và rửa trái cây	Cái	1	5.555.000	5.555.000	1	5.555.000	5.555.000	
01/01/2018		01/01/2018	Vách ngăn có vách liê kết	Cái	1	4.469.000	4.469.000	1	4.469.000	4.469.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ tranh nhận biết tập nói	Cái	1	1.940.000	1.940.000	1	1.940.000	1.940.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tranh ghép các con vật	Cái	1	1.437.000	1.437.000	1	1.437.000	1.437.000	
01/01/2018		01/01/2018	Vách leo núi ngoài trời	Cái	1	12.960.000	12.960.000	1	12.960.000	12.960.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thùng đựng nước co vòi	Cái	1	1.878.000	1.878.000	1	1.878.000	1.878.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá phơi khăn mặt	Cái	1	697.000	697.000	1	697.000	697.000	

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
01/01/2018		01/01/2018	Vách mosue	Cái	1	1.705.000	1.705.000	1	1.705.000	1.705.000	
01/01/2018		01/01/2018	Màn chiếu treo tường	Cái	1	4.053.000	4.053.000	1	4.053.000	4.053.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ móc chìa khóa và ổ khóa treo tường	Cái	1	3.528.000	3.528.000	1	3.528.000	3.528.000	
01/01/2018		01/01/2018	Cân phân chia	Cái	1	609.000	609.000	1	609.000	609.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe ngồi có bánh	Cái	1	1.875.000	1.875.000	1	1.875.000	1.875.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tranh ghép các con vật	Cái	1	1.408.000	1.408.000	1	1.408.000	1.408.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đầu DVD	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	1.800.000	
01/01/2018		01/01/2018	Cân sức khỏe	Cái	2	2.571.000	5.142.000	2	2.571.000	5.142.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế 2 lớp chổi	Cái	56	182.000	10.192.000	56	182.000	10.192.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tranh ghép các loại quả	Cái	1	766.000	766.000	1	766.000	766.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ góc để giỏ	Cái	1	1.470.000	1.470.000	1	1.470.000	1.470.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bình gas loại 45 -50kg	Cái	6	2.892.000	17.352.000	6	2.892.000	17.352.000	
01/01/2018		01/01/2018	Chân+ bình để nước uống	Cái	4	741.000	2.964.000	4	741.000	2.964.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Cái	8	828.000	6.624.000	8	828.000	6.624.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tranh ghép các loại quả	Cái	1	751.000	751.000	1	751.000	751.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bình dụng cụ hâm sữa siêu tốc	Cái	1	776.000	776.000	1	776.000	776.000	
01/01/2018		01/01/2018	Máy hút bụi	Cái	1	6.126.000	6.126.000	1	6.126.000	6.126.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá phơi khăn mặt	Cái	2	1.284.000	2.568.000	2	1.284.000	2.568.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ tranh nhận biết tập nói	Cái	1	1.960.000	1.960.000	1	1.960.000	1.960.000	
01/01/2018		01/01/2018	Góc nệm an toàn trong góc chơi	Cái	1	2.415.000	2.415.000	1	2.415.000	2.415.000	
01/01/2018		01/01/2018	Góc nệm an toàn trong góc chơi	Cái	1	2.439.000	2.439.000	1	2.439.000	2.439.000	
01/01/2018		01/01/2018	Vòng ném đích hình con thú	Cái	4	548.000	2.192.000	4	548.000	2.192.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đồ chơi có bánh xe và dây kéo	Cái	5	1.131.000	5.655.000	5	1.131.000	5.655.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giường 1 tầng nghỉ trưa của nhân viên	Cái	1	5.880.000	5.880.000	1	5.880.000	5.880.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đầu DVD	Cái	2	1.800.000	3.600.000	2	1.800.000	3.600.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ tranh nhận biết tập nói	Cái	1	1.940.000	1.940.000	1	1.940.000	1.940.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn sắt thái INOX 2 tầng	Cái	2	6.565.000	13.130.000	2	6.565.000	13.130.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá phơi khăn mặt	Cái	1	683.000	683.000	1	683.000	683.000	

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
01/01/2018		01/01/2018	Bàn 2 lớp chổi	Cái	27	563.000	15.201.000	27	563.000	15.201.000	
01/01/2018		01/01/2018	Hai gióng mùa	Cái	20	600.000	12.000.000	20	600.000	12.000.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn 4 lớp lá	Cái	60	563.000	33.780.000	60	563.000	33.780.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ sa bàn giao thông	Cái	2	1.154.000	2.308.000	2	1.154.000	2.308.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bảng ni có chân	Cái	2	1.108.000	2.216.000	2	1.108.000	2.216.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ lạnh	Cái	2	5.555.000	11.110.000	2	5.555.000	11.110.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	4	1.254.000	5.016.000	4	1.254.000	5.016.000	
01/01/2018		01/01/2018	Cột ném bóng	Cái	8	500.000	4.000.000	8	500.000	4.000.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ úp ca treo tường	Cái	2	2.363.000	4.726.000	2	2.363.000	4.726.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe tập đi	Cái	2	1.443.000	2.886.000	2	1.443.000	2.886.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để cặp, ba lô	Cái	2	7.130.000	14.260.000	2	7.130.000	14.260.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá để giày dép	Cái	1	766.000	766.000	1	766.000	766.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đầu DVD	Cái	2	1.800.000	3.600.000	2	1.800.000	3.600.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ úp ca treo tường	Cái	2	2.339.000	4.678.000	2	2.339.000	4.678.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đàn Organ lớn	Cái	1	7.497.000	7.497.000	1	7.497.000	7.497.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe đẩy nổi	Cái	1	5.050.000	5.050.000	1	5.050.000	5.050.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ vận động mousse hình con sâu	Cái	1	1.507.000	1.507.000	1	1.507.000	1.507.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đầu DVD	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	1.800.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thảm chơi của bé	Cái	1	906.000	906.000	1	906.000	906.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn Oval uống nước	Cái	2	2.597.000	5.194.000	2	2.597.000	5.194.000	
01/01/2018		01/01/2018	Khung để bộ	Cái	1	1.066.000	1.066.000	1	1.066.000	1.066.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ xếp hình xây dựng	Cái	8	675.000	5.400.000	8	675.000	5.400.000	
01/01/2018		01/01/2018	Khung treo máy chiếu	Cái	1	3.067.000	3.067.000	1	3.067.000	3.067.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ luân hạt	Cái	20	500.000	10.000.000	20	500.000	10.000.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thang đi thăng bằng	Cái	1	5.532.000	5.532.000	1	5.532.000	5.532.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ úp ca treo tường	Cái	4	2.339.000	9.356.000	4	2.339.000	9.356.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đầu DVD	Cái	4	1.800.000	7.200.000	4	1.800.000	7.200.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bảng ghế thể dục đa năng dành cho 3 lứa tuổi	Cái	2	1.589.000	3.178.000	2	1.589.000	3.178.000	

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
01/01/2018		01/01/2018	Gạch xây dựng	Cái	8	624.000	4.992.000	8	624.000	4.992.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để giày dép	Cái	2	3.430.000	6.860.000	2	3.430.000	6.860.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bình dụng cụ hâm sữa siêu tốc	Cái	1	784.000	784.000	1	784.000	784.000	
01/01/2018		01/01/2018	Gạch xây dựng	Cái	2	533.000	1.066.000	2	533.000	1.066.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giỏ phơi khăn mặt	Cái	2	1.298.000	2.596.000	2	1.298.000	2.596.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn pha sữa	Cái	1	3.430.000	3.430.000	1	3.430.000	3.430.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ dụng cụ tiệt trùng bình sữa	Cái	1	2.070.000	2.070.000	1	2.070.000	2.070.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bênh con cá vàng	Cái	1	2.501.000	2.501.000	1	2.501.000	2.501.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giường nôi của bé	Cái	4	2.587.000	10.348.000	4	2.587.000	10.348.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế vi tính cho học sinh	Cái	24	4.498.000	107.952.000	24	4.498.000	107.952.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đồ chơi có bánh xe và dây kéo	Cái	5	1.154.000	5.770.000	5	1.154.000	5.770.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ y tế	Cái	1	8.996.000	8.996.000	1	8.996.000	8.996.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giường nôi của bé	Cái	10	2.614.000	26.140.000	10	2.614.000	26.140.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giường ngủ của Bé	Cái	144	286.000	41.184.000	144	286.000	41.184.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn tiếp phẩm 2 tầng	Cái	1	9.090.000	9.090.000	1	9.090.000	9.090.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để cặp, ba lô	Cái	2	7.350.000	14.700.000	2	7.350.000	14.700.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giường y tế 02 tư thế	Cái	1	8.675.000	8.675.000	1	8.675.000	8.675.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đàn Organ nhỏ	Cái	5	6.198.000	30.990.000	5	6.198.000	30.990.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bênh	Cái	2	879.000	1.758.000	2	879.000	1.758.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thú nhún con vịt	Cái	1	2.144.000	2.144.000	1	2.144.000	2.144.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bênh máy bay	Cái	1	2.598.000	2.598.000	1	2.598.000	2.598.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn y tế	Cái	1	2.892.000	2.892.000	1	2.892.000	2.892.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe đẩy thực phẩm 2 tầng	Cái	4	5.656.000	22.624.000	4	5.656.000	22.624.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ cấp đông	Cái	1	8.412.000	8.412.000	1	8.412.000	8.412.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bồn rửa INOX công nghiệp	Cái	1	6.565.000	6.565.000	1	6.565.000	6.565.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng chăn ,chiếu, gối	Cái	2	3.362.000	6.724.000	2	3.362.000	6.724.000	
01/01/2018		01/01/2018	Chân+ bình để nước uống	Cái	2	764.000	1.528.000	2	764.000	1.528.000	
01/01/2018		01/01/2018	Nồi INOX để chia món mặn	Cái	13	2.703.000	35.139.000	13	2.703.000	35.139.000	

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
01/01/2018		01/01/2018	Đồ chơi lắp ráp	Cái	1	4.450.000	4.450.000	1	4.450.000	4.450.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe chòi chân	Cái	1	1.805.000	1.805.000	1	1.805.000	1.805.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bồn tắm bé	Cái	1	4.455.000	4.455.000	1	4.455.000	4.455.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thang leo thăng bằng	Cái	1	3.573.000	3.573.000	1	3.573.000	3.573.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bảng ni có chân	Cái	2	1.119.000	2.238.000	2	1.119.000	2.238.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thùng đựng nước co vòi	Cái	1	1.917.000	1.917.000	1	1.917.000	1.917.000	
01/01/2018		01/01/2018	Chân+ bình để nước uống	Cái	2	741.000	1.482.000	2	741.000	1.482.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bênh	Cái	2	879.000	1.758.000	2	879.000	1.758.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để giày dép	Cái	2	3.327.000	6.654.000	2	3.327.000	6.654.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bênh con voi	Cái	1	1.965.000	1.965.000	1	1.965.000	1.965.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn nhà trẻ	Cái	5	600.000	3.000.000	5	600.000	3.000.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để giày dép	Cái	4	3.227.000	12.908.000	4	3.227.000	12.908.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thang leo 3 lứa tuổi	Cái	1	5.249.000	5.249.000	1	5.249.000	5.249.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đầu DVD	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	1.800.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn hội trường	Cái	24	1.997.000	47.928.000	24	1.997.000	47.928.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bảng quay 2 mặt	Cái	1	665.000	665.000	1	665000	665.000	
01/01/2018		01/01/2018	Gạch xây dựng	Cái	4	694.000	2.776.000	4	694.000	2.776.000	
01/01/2018		01/01/2018	Cung chui	Cái	2	1.165.000	2.330.000	2	1.165.000	2.330.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giường 1 tầng nghỉ trưa của nhân viên trực	Cái	1	5.880.000	5.880.000	1	5.880.000	5.880.000	
01/01/2018		01/01/2018	Máy cassette	Cái	2	2.071.000	4.142.000	2	2.071.000	4.142.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn giáo viên	Cái	2	710.000	1.420.000	2	710.000	1.420.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thanh INOX cho bé tập đi trong góc chơi	Cái	2	548.000	1.096.000	2	548.000	1.096.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế nằm nhún ăn bột	Cái	5	1.492.000	7.460.000	5	1.492.000	7.460.000	
01/01/2018		01/01/2018	Băng ghế thể dục lắp ráp	Cái	1	5.877.000	5.877.000	1	5.877.000	5.877.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thú nhún thiên nga nhỏ	Cái	1	2.322.000	2.322.000	1	2.322.000	2.322.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng ca	Cái	1	1.080.000	1.080.000	1	1.080.000	1.080.000	
01/01/2018		01/01/2018	Khung để bỏ	Cái	1	1.077.000	1.077.000	1	1.077.000	1.077.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ xà đu vận động liên hoàn đa năng	Cái	1	7.966.000	7.966.000	1	7.966.000	7.966.000	

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
01/01/2018		01/01/2018	Bàn thay tả	Cái	1	3.663.000	3.663.000	1	3.663.000	3.663.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bình con chó	Cái	1	1.965.000	1.965.000	1	1.965.000	1.965.000	
01/01/2018		01/01/2018	Mái che khu vực chơi cát, nước	Cái	1	16.200.000	16.200.000	1	16.200.000	16.200.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bảng ni có chân	Cái	4	1.108.000	4.432.000	4	1.108.000	4.432.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để đồ chơi 2 lớp mầm	Cái	7	1.176.000	8.232.000	7	1.176.000	8.232.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bể chơi với cát và nước	Cái	2	3.426.000	6.852.000	2	3.426.000	6.852.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng hồ sơ đồ dùng cá nhân	Cái	2	5.022.000	10.044.000	2	5.022.000	10.044.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ vận động thể chất	Cái	1	4.628.000	4.628.000	1	4.628.000	4.628.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bể chơi với cát và nước	Cái	4	3.076.000	12.304.000	4	3.076.000	12.304.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe tập đi	Cái	1	1.443.000	1.443.000	1	1.443.000	1.443.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng ca	Cái	1	1.058.000	1.058.000	1	1.058.000	1.058.000	
01/01/2018		01/01/2018	Cột ném bóng	Cái	4	556.000	2.224.000	4	556.000	2.224.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn pha sữa	Cái	1	3.465.000	3.465.000	1	3.465.000	3.465.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	4	1.990.000	7.960.000	4	1.990.000	7.960.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá phơi khăn mặt	Cái	4	1.284.000	5.136.000	4	1.284.000	5.136.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn giáo viên	Cái	4	702.000	2.808.000	4	702.000	2.808.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thú nhún cá heo	Cái	1	2.144.000	2.144.000	1	2.144.000	2.144.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ chắn màn	Cái	1	3.396.000	3.396.000	1	3.396.000	3.396.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn vòng cung	Cái	4	607.000	2.428.000	4	607.000	2.428.000	
01/01/2018		01/01/2018	Nồi INOX để chia cơm, canh	Cái	26	2.703.000	70.278.000	26	2.703.000	70.278.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe đẩy tập đi	Cái	2	598.000	1.196.000	2	598.000	1.196.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ tranh nhận biết tập nói	Cái	1	1.921.000	1.921.000	1	1.921.000	1.921.000	
01/01/2018		01/01/2018	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	4	2.031.000	8.124.000	4	2.031.000	8.124.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bể chơi với cát và nước	Cái	2	2.629.000	5.258.000	2	2.629.000	5.258.000	
01/01/2018		01/01/2018	Đầu DVD	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	1.800.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn nhà trẻ	Cái	13	564.000	7.332.000	13	564.000	7.332.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ thắng bằng vận động trên bánh xe	Cái	1	6.650.000	6.650.000	1	6.650.000	6.650.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bồn rửa 1 ô	Cái	1	3.960.000	3.960.000	1	3.960.000	3.960.000	

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
01/01/2018		01/01/2018	Bộ dụng cụ nhà bếp	Cái	1	9.497.000	9.497.000	1	9.497.000	9.497.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ sa bàn giao thông	Cái	4	1.350.000	5.400.000	4	1.350.000	5.400.000	
01/01/2018		01/01/2018	Vách ngăn có vách liên kết	Cái	1	4.424.000	4.424.000	1	4.424.000	4.424.000	
01/01/2018		01/01/2018	Thú nhún cá ngựa	Cái	1	2.144.000	2.144.000	1	2.144.000	2.144.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bộ xếp hình xây dựng lăng Bác	Cái	2	618.000	1.236.000	2	618.000	1.236.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng dụng cụ âm nhạc, trang phục	Cái	2	8.996.000	17.992.000	2	8.996.000	17.992.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bập bênh	Cái	2	897.000	1.794.000	2	897.000	1.794.000	
01/01/2018		01/01/2018	Xe ngồi có bánh	Cái	1	697.000	697.000	1	697.000	697.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để đồ chơi 2 lớp Chồi	Cái	8	1.358.000	10.864.000	8	1.358.000	10.864.000	
18/12/2020		18/12/2020	Tủ bàn chải Inox	Cái	1	3.500.000	3.500.000	1	3.500.000	3.500.000	
18/12/2020		18/12/2020	Tủ nhôm 2 cửa đựng dụng cụ vệ sinh	Cái	3	3.000.000	9.000.000	3	3.000.000	9.000.000	
18/12/2020		18/12/2020	Tủ nhôm 3 cửa đựng dụng cụ vệ sinh	Cái	1	5.500.000	5.500.000	1	5.500.000	5.500.000	
18/12/2020		18/12/2020	Khung Inox kéo màn	Cái	1	3.500.000	3.500.000	1	3.500.000	3.500.000	
18/12/2020		18/12/2020	Khung hàng rào	Cái	2	1.200.000	2.400.000	2	1.200.000	2.400.000	
19/06/2020		19/06/2020	Cầu tre	Cái	2	2.700.000	5.400.000	2	2.700.000	5.400.000	
28/11/2022		28/11/2022	Tủ 10 ô 20 bé	Cái	6	4.400.000	26.400.000	6	4.400.000	26.400.000	
Cộng nhóm					793		1.195.892.000			1.195.892.000	
Công cụ dụng cụ văn phòng											
01/01/2018		01/01/2018	Bàn Oval uống nước	Cái	1	2.676.000	2.676.000	1	2.676.000	2.676.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế tiếp khách 01 bàn 04 ghế	Cái	1	4.469.000	4.469.000	1	4.469.000	4.469.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế cho Hiệu trưởng	Cái	1	8.991.000	8.991.000	1	8.991.000	8.991.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế ngồi	Cái	4	985.000	3.940.000	4	985.000	3.940.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế làm việc kết hợp để máy vi tính	Cái	1	7.997.000	7.997.000	1	7.997.000	7.997.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế làm việc xoay	Cái	3	1.590.000	4.770.000	3	1.590.000	4.770.000	
01/01/2018		01/01/2018	Máy in Laser khổ A 4	Cái	1	5.355.000	5.355.000	1	5.355.000	5.355.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế tiếp khách 01 + 12 ghế	Cái	1	8.905.000	8.905.000	1	8.905.000	8.905.000	

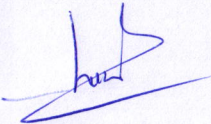
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7
01/01/2018		01/01/2018	Bàn giáo viên	Cái	2	702.000	1.404.000	2	702.000	1.404.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2	5.334.000	10.668.000	2	5.334.000	10.668.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế làm việc kết hợp để máy vi tính	Cái	3	7.915.000	23.745.000	3	7.915.000	23.745.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế làm việc	Cái	1	6.370.000	6.370.000	1	6.370.000	6.370.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế làm việc kết hợp để máy vi tính	Cái	1	8.497.000	8.497.000	1	8.497.000	8.497.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn làm việc kết hợp để máy vi tính+ ghế	Cái	2	8.410.000	16.820.000	2	8.410.000	16.820.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn ghế giáo viên (1 bàn +2 ghế)	Cái	1	1.272.000	1.272.000	1	1.272.000	1.272.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế giáo viên	Cái	4	272.000	1.088.000	4	272.000	1.088.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế ngồi họp	Cái	48	1.005.000	48.240.000	48	1.005.000	48.240.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế ngồi họp	Cái	12	1.015.000	12.180.000	12	1.015.000	12.180.000	
01/01/2018		01/01/2018	Điện thoại cố định	Cái	1	2.282.000	2.282.000	1	2.282.000	2.282.000	
01/01/2018		01/01/2018	Kệ để đồ chơi 4 lớp Lá	Cái	16	1.532.000	24.512.000	16	1.532.000	24.512.000	
01/01/2018		01/01/2018	Bàn họp Oval	Cái	1	5.251.000	5.251.000	1	5.251.000	5.251.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế ngồi	Cái	1	1.005.000	1.005.000	1	1.005.000	1.005.000	
01/01/2018		01/01/2018	Máy in Laser	Cái	1	5.410.000	5.410.000	1	5.410.000	5.410.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng hồ sơ	Cái	6	5.442.000	32.652.000	6	5.442.000	32.652.000	
01/01/2018		01/01/2018	Ghế 4 lớp lá	Cái	144	197.000	28.368.000	144	197.000	28.368.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2	5.226.000	10.452.000	2	5.226.000	10.452.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2	5.388.000	10.776.000	2	5.388.000	10.776.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng hồ sơ	Cái	4	5.442.000	21.768.000	4	5.442.000	21.768.000	
01/01/2018		01/01/2018	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2	5.498.000	10.996.000	2	5.498.000	10.996.000	
Cộng nhóm					269		330.859.000	269		330.859.000	
TỔNG CỘNG CCDC					1.062		1.526.751.000	269		1.526.751.000	

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ sách			Giá trị theo kiểm kê			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	7

Nhà Bè, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập bảng

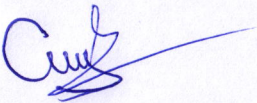
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Cẩm Nhung

Bảo vệ

(Ký, họ tên)



Nguyễn Minh Cường

Chủ tịch Công Đoàn

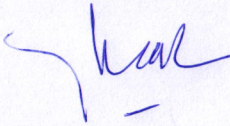
(Ký, họ tên)



Trần Ngọc Quỳnh

P. Hiệu Trưởng

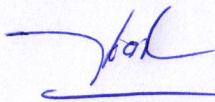
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thúy Hằng

P. Hiệu Trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Kim Oanh

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

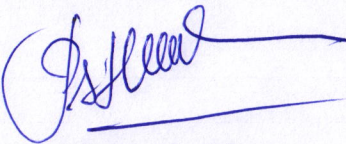


Huỳnh Mộng Ngọc

Ban Thanh tra

nhân dân

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Cẩm Hồng

PHÒNG
HỌ TÊN